

Bản án số: 130/2017/DS-PT
Ngày: 09-8-2017
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Võ Kế Nghiệp

Ông Lê Lâm Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2017/QĐ-PT ngày 21 ngày 7 tháng 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Dương Văn K, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Cao Văn P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Anh Dương Văn K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Huỳnh Văn B trình bày: Vào khoảng 25/7/2016 ông Lê Văn Đ có điện hỏi anh có máy cắt trồng không, anh nói không và ông Đ kêu anh hỏi bạn bè nào có máy trồng không nên gọi cho anh K để hỏi thì anh K nhận sẽ cắt lúa. Sáng ngày 27/7/2016, anh K nói có công chuyện nên điện cho chủ máy cắt là ông P lại và cùng anh đi đến gặp ông Đ tại phần đất của các chủ đất cắt lúa. Tại đó, ông Đ kêu ông P đem máy vô cắt lúa luôn, anh có nói hai người một người chủ máy cắt và một người cò đất (ông Đ) khi cắt xong thì tự thanh toán nên anh bỏ về. Thông thường ở địa phương, người cò lúa trả tiền đặt cọc cho chủ đất, khi bán cho chủ ghe mới trả hết cho chủ đất, còn chủ máy cắt thì vài ngày sau mới lại gom tiền công cắt nhưng cũng do cò lúa (ông Đ) gom chứ chủ máy cắt không có gom. Như vậy, vài ngày sau thì anh P và anh K lại chủ đất gom tiền công nhưng các chủ đất nói ông Đ đã gom hết số tiền công cắt lúa này. Khoảng 3 ngày sau, anh K gọi cho anh nói có gặp ông Đ và đang nhậu với ông Đ, anh K nói với anh là số tiền cắt lúa ông Đ đã nhận hết và sẽ trả lại cho anh K. Sáng hôm sau anh, anh P, ông Đ có gặp nhau do ngẫu nhiên thì anh P có hỏi ông Đ vụ tiền cắt lúa, ông Đ nói để trả lại cho anh P, anh P cũng thống nhất. Anh không biết ngày hôm đó cắt bao nhiêu công lúa, cắt cho ai, giá bao nhiêu tiền vì do ông Đ, anh P và anh K thỏa thuận với nhau. Nay anh K yêu cầu anh trả số tiền 14.000.000 đồng, anh không thống nhất vì anh không có nhận tiền này và cũng không biết gì.

Riêng anh là cò máy cắt, ngày 7 và 8/8/2016, anh qua cắt tiếp anh K khoảng hơn 60 công, thông thường thì người cò lúa mua lúa thì gom tiền công cắt (anh K), trong đó anh có nhận được tiền công khoảng 20 công do chủ đất biết anh, còn lại khoảng 43 công là 12.480.000 đồng anh không nhận được tiền công do anh K đã gom tiền mà không đưa lại cho anh. Anh có gặp anh K thì anh K nói là kêu anh gom tiền của ông Đ lúc trước thì anh K sẽ trả lại tiền công cắt này cho anh. Nay anh yêu cầu anh K phải trả số tiền này lại cho anh.

Bị đơn anh Dương Văn K trình bày: Anh là cò máy. Ngày 27/7/2016, anh B gọi cho anh hỏi máy cắt có rảnh thì xuống cắt tiếp 2,3 ngày, anh đồng ý. Sáng ngày 28/7/2016, anh, anh B, anh P (chủ máy) có gặp nhau, anh hỏi anh B cắt ở đâu, anh B nói cắt ở đường sân, sau đó anh kết công chuyện nên không có đi nên anh B và anh P cùng nhau đi xuống chỗ đất. Ngày 28/7/2016 giữa anh và anh B có

giao kèo việc anh kêu máy cắt thì anh B gom tiền đưa lại anh, chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì. Cắt xong thì anh kêu anh B gom tiền nhưng anh B không gom. Sau này anh và anh P xuống các chủ đất hỏi thì nghe nói là ông Đ gom tiền hết rồi, anh cũng không có hỏi tại sao ông Đ gom, anh cứ đòi anh B vì anh hợp đồng với anh B. Số tiền anh đã gom tiền công cắt của anh B tổng cộng 43 công là 12.480.000 đồng, nhưng anh đưa cho anh P để anh P khấu trừ số tiền công anh B nhờ anh cắt là 50 công bằng 14.000.000 đồng nên không đồng ý trả lại cho anh B số tiền 12.480.000 đồng, anh yêu cầu phản tố để khấu trừ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn P trình bày: Anh là chủ máy cắt, khoảng tháng 7/2016 anh K có gọi cho anh đến gặp anh B để dẫn đến chỗ cắt lúa cho các chủ đất, xong thì anh K về, anh B dẫn anh xuống cắt cho các chủ đất 2 ngày được 80 công, thỏa thuận anh B gom tiền, anh B gom được 30 công, còn lại 50 công anh B không gom tiền nữa. Sau này nghe nói ông Lê Văn Đ đã gom hết số tiền này do ông Đ là người mua lúa nên phải có nghĩa vụ trả cho anh K để anh K trả cho anh, chứ anh không làm đơn yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Buộc anh K trả cho anh B số tiền là 12.480.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong thi hành án và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2017 bị đơn anh Dương Văn K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết là anh không đồng ý trả lại số tiền 12.480.000 đồng cho anh B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của anh K, ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu anh B thối lại số tiền chênh lệch.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh B và anh K đều thống nhất vào ngày 07 và 08/8/2016 giữa hai bên có thỏa thuận là anh B đem máy cắt lúa qua ấp Z để cắt tiếp cho anh K khoảng hơn 60 công, sau khi cắt xong anh B có nhận tiền công cắt khoảng hơn 20 công, còn lại 43 công là 12.480.000 đồng anh B chưa nhận tiền do anh K đã gom hết mà không đưa lại cho anh B. Anh K cũng thừa nhận có gom số tiền 12.480.000 đồng nhưng không giao cho anh B mà trực tiếp trả cho anh P (là chủ máy cắt) vì anh B không gom số tiền cắt 50 công lúa vào ngày 27/7/2016 là 14.000.000 đồng. Do anh K đã thừa nhận có nhận tiền công cắt lúa của anh B nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B và buộc anh K có nghĩa vụ hoàn trả cho anh B số tiền công cắt lúa là 12.480.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu phản tố của anh K yêu cầu khấu trừ số tiền công cắt lúa mà anh K đã nhận của anh B là 12.480.000 đồng vào số tiền công cắt lúa mà anh B kêu anh K cắt tiếp vào các ngày 27 và 28/7/2016 là 14.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, khi ông Đ gọi điện cho anh B (là chủ máy cắt) hỏi có máy cắt trống không thì do anh B không có nên anh B mới kêu anh K (là chủ máy cắt của anh P, anh P là chủ máy cắt) qua cắt tiếp và do anh K có công chuyện nên ngày cắt chỉ có anh P, anh B và ông Đ tới các phần đất để cắt lúa; các đương sự đều khai rằng theo thông lệ tại địa phương thì sau khi cắt lúa xong, người cò lúa sẽ đi gom tiền công cắt từ các chủ đất để đưa lại cho người chủ máy cắt. Như vậy, anh B kêu anh K nên anh B cũng phải có trách nhiệm gom tiền công cắt lúa để trả cho anh K. Hơn nữa, chính anh B thừa nhận đã đưa tiền cắt 30 công trong tổng số 80 công lúa cho anh P nhưng lại cho rằng tiền cắt 30 công đó là do ông Đ gom rồi đưa cho anh, anh đưa lại cho anh P, nhưng anh B không có chứng cứ gì chứng minh là do ông Đ gom. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, anh P và anh K đều khai rằng không biết ông Đ là ai và cũng không có thỏa thuận giao dịch gì với ông Đ, chỉ giao dịch với anh B. Do đó, cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của anh K là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K đồng ý khấu trừ ngang tiền công anh K cắt theo yêu cầu của anh B là 14.000.000 đồng vào tiền công anh B cắt theo yêu cầu của anh K là 12.480.000 đồng, anh B không phải thanh toán lại cho anh K số tiền chênh lệch. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố

của anh K , khấu trừ tiền công cắt lúa giữa anh K với anh B, ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu anh B trả lại số tiền chênh lệch.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Dương Văn K, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền buộc trả cho anh K là $12.480.000 \text{ đồng} \times 5\% = 624.000 \text{ đồng}$.

Anh K phải chịu án phí đối với số tiền buộc trả cho anh B là $12.480.000 \text{ đồng} \times 5\% = 624.000 \text{ đồng}$.

Án phí phúc thẩm: Anh K không phải chịu, được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Dương Văn K .
Sửa bản án sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn B về việc yêu cầu anh Dương Văn K trả lại số tiền 12.480.000 đồng. Buộc anh Dương Văn K phải trả lại cho anh Huỳnh Văn B số tiền 12.480.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Dương Văn K yêu cầu được khấu trừ số tiền công cắt lúa anh B phải trả cho anh K 14.000.000 đồng vào số tiền 12.480.000 đồng mà anh K có nghĩa vụ trả cho anh B.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Văn K không yêu cầu anh Huỳnh Văn B phải trả lại số tiền chênh lệch.

3. Về án phí:

Anh Huỳnh Văn B phải chịu án phí sơ thẩm là 624.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 408.000 đồng theo biên lai thu số 0004134 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh B còn phải nộp thêm số tiền 216.000 đồng (Hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Anh Dương Văn K phải chịu án phí sơ thẩm là 624.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 650.000 đồng theo hai biên lai thu số 0004138 ngày 09/11/2016 và số 0004238 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh K được nhận lại 26.000 đồng (hai mươi sáu nghìn đồng) theo hai lai thu nêu trên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên